

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS- ST

Ngày: 23/3/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Tân

2. Bà Nguyễn Thị H1

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.**

Ngày 23/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST- DS, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST – DS ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:*

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

*-Bị đơn:*

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1986

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Thành H, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh D, chị H. Vắng mặt anh B, chị H1 (Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H trình bày:

Vào tháng 04/2020 vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1 vay của vợ chồng anh, chị số tiền là 45.800.000đ (Bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng), thời hạn trả nợ là tháng 9/2020 không thoả thuận phải trả lãi suất. Ngày 28/6/2020 anh B và chị H1 tiếp tục vay của anh, chị 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) khi vay hai bên thoả thuận miệng lãi suất là 1,5% /tháng, thời hạn trả nợ là ngày 29/11/2020. Đến ngày 27/7/2020 anh B và chị H1 tiếp tục vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và thoả thuận miệng lãi suất 1,5%/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 29/01/2021.

Tổng cộng 3 lần anh B và chị H1 vay của anh, chị số tiền là 105.800.000đ (Một trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng). Ngày 23/5/2021 hai bên đã chốt tổng số nợ trên anh B, chị H1 viết giấy cam kết đến ngày 23/6/2021 sẽ thanh toán hết số nợ cho anh chị. Tuy nhiên đến nay, anh B và chị H1 mới trả cho anh, chị được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền lãi, còn tiền gốc vẫn chưa thanh toán.

Nay anh D và chị H yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho anh, chị số tiền gốc là 105.800.000đ (Một trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng). Đồng thời, anh D và chị H còn yêu cầu anh B và chị H1 phải trả số tiền lãi tính từ ngày chốt nợ (ngày 23/5/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2021) với lãi suất 1,5%/tháng. Anh D và chị H đồng ý sẽ trừ số tiền lãi mà anh B và chị H1 đã trả là 4.000.000đ vào tiền lãi.

Tiền lãi tính từ ngày chốt nợ ( ngày 23/5/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2022) là 10 tháng. Khoản này bằng  $105.800.000đ \times 1,5\% \times 10 \text{ tháng} = 15.870.000đ$  (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh D và chị H tiếp tục yêu cầu anh B và chị H1 phải trả lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo thỏa thuận là 1.5%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Tháng 04/2020 vợ chồng anh có vay của anh D, chị H số tiền là 45.800.000 đồng, thời hạn trả nợ là tháng 9/2020 không thoả thuận về trả lãi suất. Ngày 28/6/2020 vợ chồng anh tiếp tục vay của anh D, chị H số tiền 30.000.000 đồng khi vay hai bên thoả thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 29/11/2020. Đến ngày 27/7/2020 anh và chị H1 tiếp tục vay của anh D, chị H số tiền 30.000.000 đồng và thoả thuận miệng lãi suất 1,5%/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 29/01/2021. Tổng cộng 3 lần vợ chồng anh vay của anh chị D, H số tiền 105.800.000 đồng (Một trăm linh năm

triệu tám trăm nghìn đồng), hai bên chốt nợ với nhau hẹn đến ngày 23/6/2021 sẽ thanh toán cả tiền gốc và lãi phát sinh. Đến nay, vợ chồng anh mới thanh toán được cho anh D, chị H được 4.000.000đ tiền lãi. Còn lại tiền gốc và số lãi còn lại, anh chưa có điều kiện để thanh toán như đã cam kết. Anh B đồng ý số nợ gốc và lãi phát sinh như anh D và chị H yêu cầu. Nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh B đề nghị với anh D và chị H cho vợ chồng anh, chị được thanh toán mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi hết nợ. Nếu anh D và chị H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/3/2022, bị đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị cũng thừa nhận số tiền gốc và lãi phát sinh mà vợ chồng chị còn nợ anh D và chị H đúng như anh D và chị H yêu cầu. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị đề nghị trả nợ cho anh D và chị H trong thời hạn 02 năm kể từ ngày viết bản tự khai (Ngày 01/3/2022). Nếu anh D và chị H không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh D, chị H và anh B, chị H1 đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do anh B và chị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh B và chị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự. Tại phiên họp, chị H1 vắng mặt nên Tòa án đã Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh D và chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Anh B đã được triệu tập họp lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh B và chị H1.

[4]. Việc anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1 vay tiền của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H số tiền là 105.800.000đ (Một trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà anh D, chị H giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là anh B và chị H1. Việc này, bản thân anh B và chị H1 cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Trong giấy vay tiền ngày 23/5/2021, hai bên chốt nợ với nhau, thời hạn trả nợ của cả 3 khoản vay là vào ngày 23/6/2021. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, anh D và chị H khởi kiện yêu cầu anh B và chị H1 phải trả số tiền gốc là 105.800.000đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, yêu cầu của anh D và chị H là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 1,5%/tháng. Thời điểm tính từ ngày chốt nợ (ngày 23/5/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2022) là 10 tháng. Khoản này bằng  $105.800.000đ \times 1,5\% \times 10 \text{ tháng} = 15.870.000đ$ . Do anh B và chị H1 đã thanh toán cho anh D và chị H được 4.000.000đ tiền lãi nên anh B và chị H1 còn phải thanh toán cho anh D và chị H tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là  $15.870.000đ - 4.000.000đ = 11.870.000đ$ .

[7]. Đối với yêu cầu của anh D và chị H buộc anh B và chị H1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, yêu cầu của anh D và chị H là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của anh D và chị H.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của anh D và chị H được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh B và chị H1 phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H tổng số tiền là 117.670.000đ (Một trăm mười bảy triệu sáu trăm

bảy mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 105.800.000đ (Một trăm linh năm triệu tám trăm nghìn đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/3/2022) là 11.870.000đ (Mười một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/3/2022), anh B và chị H1 phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 1.5%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.883.000đ (Năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H số tiền là 2.978.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007423 ngày 02/11/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị H. Vắng mặt anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H1. Anh D, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B, chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Hải**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Văn Tân**

**Nguyễn Thị H1**

**Bùi Văn Hải**